TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 20-6-2024

V/v: ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thùy;

2. Ông Nguyễn Xuân Trường.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Văn Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2024/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc: "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST– HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trần Thị H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Lê Anh T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ngân hàng TMCP S.

Trụ sở: lầu 08, 266 – B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền đứng đơn khởi kiện: ông Đặng Cao T1 – Chức vụ: Trưởng phòng G. Theo quyết định ủy quyền số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Nguyễn Công T2 – Chức vụ: chuyên viên QLTD & KSRR. Tham gia tố tụng theo Văn bản ủy quyền lập ngày 01/4/2024. Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày thì:

Về quan hệ hôn nhân: chị xây dựng gia đình với anh T năm 2008 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã C, tỉnh Cao Bằng. Năm 2010, gia đình chị chuyển vào xã T, huyện L sinh sống. Vợ chồng chị sống hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng quá khác nhau về lối sống. Chị lo làm ăn vun vén cho gia đình và chăm sóc con cái chu toàn, còn anh T rất vô trách nhiệm, ham chơi bời, thậm chí còn sa vào tệ nạn. Chị góp ý nhưng anh T không tiếp thu nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, sự việc này bà con xung quanh biết và có lần chị phải nhờ Công an xã can thiệp. Chị đã gửi đơn xin ly hôn, Tòa án đã thụ lý vụ án nhưng sau đó anh T xin lỗi và hứa sửa đổi nên chị rút đơn về. Tuy nhiên, sau khi rút đơn, anh T không sửa đổi mà còn ngày càng tồi tệ hơn. Hiện nay, anh T còn sử dụng chất cấm nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: vợ chồng chị có ba con chung là: Lê Gia K, sinh ngày 25/6/2009; Lê Gia H1, sinh ngày 13/11/2016 và Lê Gia H2, sinh ngày 13/4/2018. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả ba con chung. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng chị tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ngày 15/6/2021, vợ chồng chị có vay của Ngân hàng S1 – Phòng G số tiền là 200.000.000đ. Đến ngày 03/5/2024, chị đã trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng S1 – Phòng G. Hiện nay, vợ chồng chị không nợ cá nhân, tổ chức nào nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị H không trình bày gì thêm.

Bị đơn anh Lê Anh T trình bày tại Văn bản trình bày ý kiến ghi ngày 08/5/2024 thì:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị H xây dựng gia đình với nhau năm 2008 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã C, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sinh sống tại tỉnh Cao Bằng đến năm 2009 thì chuyển vào xã T, huyện L sinh sống. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, do anh ham chơi, bỏ bê gia đình, anh bắt đầu sử dụng ma túy từ năm 2018. Vợ chồng anh sống ly thân từ ngày 18/02/2024 đến nay. Nay chị H yêu cầu giải quyết ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn vì lý do anh đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 nên chưa gặp được chị H để trao đổi trực tiếp cho rõ ràng.

Về con chung: vợ chồng anh có ba con chung là: Lê Gia K, sinh ngày 25/6/2009; Lê Gia H1, sinh ngày 13/11/2016 và Lê Gia H2, sinh ngày 13/4/2018. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Gia H1 và Lê Gia Q. Anh đồng ý giao con chung là Lê Gia K cho chị H nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng anh tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng anh có nợ Ngân hàng S1 –Phòng G số tiền là 200.000.000đ. Khi ly hôn, anh chị tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Ngoài ra, anh T không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ngân hàng TMCP S trình bày tại Đơn yêu cầu độc lập ngày 01/4/2024 thì:

Ngân hàng thương mại cổ phần S - C (sau đây gọi tát là S1) cho chị Trần Thị H và chồng là anh Lê Anh T vay vốn theo hợp đồng tin dụng như sau: hợp đồng tín dụng hạn mức số: 202126160531 kỳ ngày 15/06/2021 số tiền vay: 200.000.000đ (bằng chữ: hai trăm triệu đồng). Dư nợ hiện tại 200.000.000đ (bằng chữ: hai trăm triệu đồng); mục đích vay: bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp; thời hạn hợp đồng: 36 tháng; phương thức trả nợ: lãi trả hàng tháng vốn gốc trả cuối kỳ. Ngày đến hạn trả nợ gốc: 15/06/2024; tài sản bảo đảm là toàn bộ hiện trạng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại: xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (thửa đất số: 54, tờ bản đồ số: 29), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV059845, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH03131 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 27/07/2020. Chủ sở hữu chị Trần Thị H và chồng là anh Lê Anh T. Tổng số tiền chị Trần Thị H và chồng là anh Lê Anh T phải thanh toán cho S1 tạm tính đến ngày 01/04/2024 là: 201.089.863 đ (bằng chữ: hai trăm linh một triệu không trăm tám mươi chín ngàn tám trăm sáu mươi ba đồng). Cụ thể như sau: theo hợp đồng tín dụng số 202126160531 ký ngày 15/06/2021, vốn gốc: là 200.000.000đ (bằng chữ: hai trăm triệu đồng). Tiền lãi tạm tính đến ngày 01/04/2024: 1.089.863đ (bằng chữ: một triệu không trăm tám mươi chín ngàn tám trăm sáu mươi ba đồng). Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ của chị Trần Thị H, anh Lê Anh T (sau đây gọi tắt là bên được cấp tín dụng). Từ ngày ký kết các hợp đồng tín dụng dẫn chiếu nêu trên bên được cấp tín dụng đã thực hiện thanh toán đầy đủ lãi vay phát sinh đến hạn cho S1. Đến ngày 18/03/2024, S1 nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án dân sự số: 79/TB-TLVA về việc "ly hôn" giữ chị Trần Thị H và chồng là anh Lê Anh T của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Trước khi giải ngân tiền vay, S1 và bên thế chấp là chị Trần Thị H và anh Lê Anh T đã ký kết và công chứng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (áp dụng cho tài sản là bất động sản) số: 11705-362/TC tại Văn phòng công chứng Nguyễn Mậu An huyện L, tỉnh Lâm Đồng, số công chứng 4522, quyển số 03/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/06/2021. Sau khi công chứng hợp đồng thế chấp tài sản, S1 tiến hành thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm và đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L *"Chứng nhận việc thế chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất"*. Với sự tin tưởng vào tính nghiêm minh và công bằng của pháp luật, S1 kính trình đơn yêu cầu này đến Quý toà với các yêu cầu: bác yêu cầu

về việc tự thỏa thuận trả nợ đối với khoản nợ chung của hai vợ chồng trong quá trình sinh sống chung và Ngân hàng thương mại cổ phần S - C – C mà không yêu cầu Tòa Án giải quyết. Tuyên buộc chị Trần Thị H và chồng là anh Lê Anh T phải trả cho S1 tổng số tiền vốn và lài (tạm tính đến ngày 01/04/2024 là: 201.089.863 đ (bằng chữ: hai trăm linh một triệu không trăm tám mươi chín ngàn tám trăm sáu mươi ba đồng) và lãi tiền vay theo mức lãi suất đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả dứt điểm nợ vay trước khi ly hôn. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản số 11705-362/TC tại Văn phòng công chứng Nguyễn Mậu An huyện L, tỉnh Lâm Đồng, số công chứng 4522, quyển số 03/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/06/2021 đã giao kết giữa Ngân hàng S1 và vợ chồng anh/chị Trần Thị H - Lê Anh T cho đến khi chị Trần Thị H và chồng là anh Lê Anh T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra, Ngân hàng không yêu cầu gì thêm.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải nhưng vắng mặt đương sự nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị H, xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Lê Anh T. Về con chung, đề nghị giao con chung là Lê Gia K, sinh ngày 25/6/2009; Lê Gia H1, sinh ngày 13/11/2016 và Lê Gia H2, sinh ngày 13/4/2018 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản chung, đương sự xác định tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Về nợ chung, Ngân hàng S1, chi nhánh L – Phòng G đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng S1, chi nhánh L – Phòng G.

Về án phí: buộc chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Công T2 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai và có đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn anh Lê Anh T cư trú: thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng nên theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị H và anh Lê Anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng vào ngày 15/9/2008 trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua xác minh thì, trong thời gian chung sống, chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T còn sử dụng ma túy và nhiều lần có hành vi bạo lực với chị H. Ý kiến của anh T không đồng ý ly hôn với chị H nhưng lý do anh T đưa ra là chưa gặp gỡ được chị H để trao đổi trực tiếp cho rõ ràng là không hợp lý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân của anh, chị cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh T là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về con chung: chị H và anh T xác định vợ chồng có ba con chung là: Lê Gia K, sinh ngày 25/6/2009; Lê Gia H1, sinh ngày 13/11/2016 và Lê Gia H2, sinh ngày 13/4/2018. Xét thấy, từ khi anh T và chị H sống ly thân đến nay, cả ba con chung đều do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hơn nữa, hiện nay anh T đang cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 nên không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định tâm sinh lý cho trẻ cần giao con chung là: Lê Gia K, sinh ngày 25/6/2009; Lê Gia H1, sinh ngày 13/11/2016 và Lê Gia H2, sinh ngày 13/4/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] Về tài sản chung: chị H và anh T xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] Về nợ chung: chị H và anh T xác định vợ chồng có nợ Ngân hàng S1, chi nhánh L – Phòng G số tiền là 200.000.000đ. Đến ngày 03/5/2024, chị H đã thanh toán toàn bộ nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng S1, chi nhánh L – Phòng G. Đồng thời, ngày 07/5/2024, Ngân hàng S1 , chi nhánh L – Phòng giao dịch L đã có đơn đề nghị rút đơn yêu cầu độc lập. Xét thấy, việc rút đơn yêu cầu độc lập của Ngân hàng S1, chi nhánh L – Phòng G là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng S1, chi nhánh L – Phòng G về việc yêu cầu chị H, anh T phải trả cho Ngân hàng S1 tổng số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 01/4/2024 là 201.089.863đ; tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản số 11705-362/TC, số công chứng 4522, quyển số 03/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/6/2021 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Mậu A giữa Ngân hàng S1 với chị H, anh T cho đến khi chị H, anh T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp.

[7] Về án phí: buộc chị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng S1, chi nhánh L – Phòng giao dịch L theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị H, xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Lê Anh T.

2. Giao con chung là Lê Gia K, sinh ngày 25/6/2009; Lê Gia H1, sinh ngày 13/11/2016 và Lê Gia H2, sinh ngày 13/4/2018 cho chị Trần Thị H có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng S1, chi nhánh L – Phòng G về việc yêu cầu chị Trần Thị H, anh Lê Anh T phải trả cho Ngân hàng S1 tổng số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 01/4/2024 là 201.089.863đ; tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản số 11705-362/TC, số công chứng 4522, quyển số 03/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/6/2021 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Mậu A giữa Ngân hàng S1 với chị Trần Thị H, anh Lê Anh T cho đến khi chị Trần Thị H, anh Lê Anh T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

4. Về án phí: buộc chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0004545 ngày 18/3/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh L – Phòng G1 *(năm triệu không trăm hai mươi bảy ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004592 ngày 03/4/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, BP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hạnh